

4. Chị Nguyễn Thùy A sinh năm 1993; địa chỉ nơi làm việc: Công ty L1, Tầng F, Tòa nhà A, 252 đường H, quận B, thành phố Hà Nội; nơi ở: P, nhà A, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền số EVNN062019/2019/GUQ ngày 25/11/2019); có mặt

- Người bị kiện:

1. Tổng Cục trưởng Tổng cục H1; địa chỉ: Lô E, đường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Tổng Cục trưởng Tổng cục H1: Ông Mai Xuân T1 là Phó Tổng cục trưởng Tổng cục H1 (Giấy ủy quyền ngày 25/6/2018); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H; địa chỉ: Số A đường L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H: Ông Nguyễn Kiên G là Phó cục trưởng Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H (Giấy ủy quyền số 14871/GUQ-HQHP ngày 31/10/2019); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Trần Vũ M là Phó Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan - H1; vắng mặt.

2. Ông Trần Minh T2 là Phó Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan - H1; vắng mặt.

3. Ông Đặng Phương T3 là Trưởng Phòng tham mưu xử lý và quản lý doanh nghiệp ưu tiên - Cục Kiểm tra sau thông quan - H1; vắng mặt.

4. Bà Lê Phương T4 là Phó Trưởng Phòng tham mưu xử lý và quản lý doanh nghiệp ưu tiên - Cục Kiểm tra sau thông quan - H1; vắng mặt.

5. Bà Phan Thị Hồng N là Công chức Phòng tham mưu xử lý và quản lý doanh nghiệp ưu tiên - Cục Kiểm tra sau thông quan - H1; vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Chí L là Công chức Phòng tham mưu xử lý và quản lý doanh nghiệp ưu tiên - Cục Kiểm tra sau thông quan - H1; vắng mặt.

7. Ông Đặng Văn Q là C chức Vụ pháp chế - H1; vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Thanh B là Phó Trưởng phòng Trị giá Hải quan - Cục H1; vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 là Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan Cục Hải quan thành phố H; có mặt.

10. Bà Tô Thị Thu H là Phó Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan - Chi cục 1 - Cục Hải quan thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cục Hải quan thành phố H; địa chỉ: Số A đường L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Kiên G là Phó cục trưởng Cục Hải quan thành phố H (Giấy ủy quyền số 14871/GUQ-HQHP ngày 31/10/2019); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 là Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan Cục Hải quan thành phố H; có mặt.

2. Bà Tô Thị Thu H là Phó Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan - Chi cục 1 - Cục Hải quan thành phố H; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH E1 là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 26/01/2016, Cục Hải quan thành phố H có Văn bản số 604/HQHP-TXNK yêu cầu các Chi cục trong đó có Chi cục Hải quan thành phố H kiểm tra sau thông quan về trị giá tại trụ sở cơ quan hải quan trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan đối với toàn bộ các mặt hàng thuộc đối tượng kiểm tra trị giá tại khâu thông quan có nghi vấn về trị giá khai báo nhưng người khai hải quan không đề nghị tham vấn hoặc có đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo khi kiểm tra trị giá trong thông quan nhưng người khai hải quan không đồng ý hoặc quá 05 ngày kể từ ngày cơ quan hải quan thông báo mà không khai bổ sung đối với các nhóm hàng thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro trong đó có mặt hàng thiết bị điện gia dụng.

Ngày 09/6/2016, Chi cục Kiểm tra sau thông quan có Phiếu đề xuất về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan đối với Công ty TNHH E1 trong phạm vi 05 năm kể từ ngày 09/6/2011 đến ngày 09/6/2016 do có dấu hiệu nghi vấn với mức giá các mặt hàng thiết bị gia dụng nhập khẩu khai báo của Công ty thấp hơn mức giá tham chiếu của hàng giống hệt, tương tự có trong Danh mục hàng hóa rủi ro về trị giá của H1, thấp hơn mức giá của hàng hóa giống hệt, tương tự trên hệ thống dữ liệu GTT02.

Ngày 09/6/2016, Cục Hải quan thành phố H ban hành Quyết định số 1977/QĐ-HQHP về việc kiểm tra sau thông quan về trị giá tính thuế đối với các tờ khai đã thông quan tại các Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan thành phố H trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 09/6/2011 đến ngày 09/6/2016 đối với Công ty TNHH E1. Kết thúc kiểm tra, Cục Hải quan thành phố H đã ban hành Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 8161/TB-HQHP ngày 14/9/2016 và Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây viết tắt là Quyết định số 3364) có nội dung: Ấn định thuế các mục hàng thuộc tờ khai hải

quan (chi tiết theo Bảng kê ấn định thuế kèm theo) đối với Công ty TNHH E1 khai báo nhập khẩu tại Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan thành phố H.

Lý do ấn định thuế: Xác định lại giá trị tính thuế.

Tổng số tiền thuế ấn định là:

- Thuế nhập khẩu theo tiêu mục 1901 Chương của Bộ chủ quản: Số tiền thuế phải nộp theo kê khai là 17.204.328.263đ, số tiền thuế ấn định là 19.281.045.457đ, số tiền thuế chênh lệch sau ấn định là 2.076.717.194đ, số tiền thuế đã nộp là 17.204.328.263đ, số tiền thuế còn phải nộp là 2.076.717.194đ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt theo tiêu mục 1751 Chương của Bộ chủ quản: Số tiền thuế phải nộp theo kê khai là 10.142.476.852đ, số tiền thuế ấn định là 11.116.326.719đ, số tiền thuế chênh lệch sau ấn định là 973.849.867đ, số tiền thuế đã nộp là 10.142.476.852đ, số tiền thuế còn phải nộp là 973.849.867đ.

- Thuế giá trị gia tăng theo tiêu mục 1702 Chương của Bộ chủ quản: Số tiền thuế phải nộp theo kê khai là 18.588.331.571đ, số tiền thuế ấn định là 21.211.001.835đ, số tiền thuế chênh lệch sau ấn định là 2.622.670.264đ, số tiền thuế đã nộp là 18.588.331.571đ, số tiền thuế còn phải nộp là 2.622.670.264đ.

Tổng cộng số tiền thuế phải nộp theo kê khai là 45.935.136.686đ, tổng số tiền thuế ấn định là 51.608.374.011, tổng số tiền thuế chênh lệch sau ấn định là 5.673.237.325đ, tổng số tiền thuế đã nộp là 45.935.136.686đ, tổng số tiền thuế còn phải nộp là 5.673.237.325đ.

Không đồng ý với Quyết định số 3364, ngày 05/12/2016 Công ty TNHH E1 có đơn khiếu nại. Ngày 03/01/2017, Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H ban hành Quyết định số 12/QĐ-HQHP về việc giải quyết khiếu nại (lần 1) của Công ty TNHH E1 đã giữ nguyên Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 8161/TB-HQHP ngày 14/9/2016 và Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc ấn định thuế.

Ngày 24/01/2017, Công ty TNHH E1 tiếp tục gửi Đơn khiếu nại (lần hai) đến H1 để đề nghị xem xét lại nội dung Thông báo 8161 và Quyết định 3364.

Ngày 21/04/2017, Tổng Cục trưởng H1 đã ban hành Quyết định số 1377/QĐ-TCHQ về việc giải quyết khiếu nại của E1 (lần hai) theo đó giữ nguyên nội dung Quyết định 3364.

Không đồng ý với các quyết định trên, ngày 19/4/2018, Công ty TNHH E1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc ấn định thuế,

- Hủy Quyết định số 12/QĐ-HQHP ngày 03/01/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần 1).

- Hủy Quyết định số 1377/QĐ-TCHQ ngày 21/04/2017 của Tổng Cục

trường H1 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2).

- Kiến nghị Tổng Cục trưởng H1 và Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H chấp nhận trị giá khai báo đối với hàng hóa nhập khẩu của E1 liệt kê tại danh mục hàng hóa đính kèm Quyết định 3364.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giữ nguyên quyết định bị kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH E1 do không có căn cứ pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 321/2019/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Quản lý thuế năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2012; Luật Hải quan năm 2014; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005; Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015; Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010; Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013; Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Thông tư số 07/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T5; Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T5;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH E1 đối với yêu cầu hủy các quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại sau:

- Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc ấn định thuế;

- Quyết định số 12/QĐ-HQHP ngày 03/01/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần 1);

- Quyết định số 1377/QĐ-TCHQ ngày 21/04/2017 của Tổng Cục trưởng H1 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2019, người khởi kiện là Công ty TNHH E1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là Công ty TNHH E1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; người đại diện hợp pháp của những người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là Cục trưởng

Cục Hải quan thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là Tổng Cục trưởng H1 thực hiện không đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Ngày 18/4/2018, Công ty TNHH E1 có đơn khởi kiện (nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội) yêu cầu hủy Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc ấn định thuế, Quyết định số 12/QĐ-HQHP ngày 03/01/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (giải quyết khiếu nại lần 1), Quyết định số 1377/QĐ-TCHQ ngày 21/04/2017 của Tổng Cục trưởng H1 về việc giải quyết khiếu nại (giải quyết khiếu nại lần 2), kiến nghị Tổng Cục trưởng H1 và Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H chấp nhận trị giá khai báo đối với hàng hóa nhập khẩu của E1 liệt kê tại danh mục hàng hóa đính kèm Quyết định 3364. Các quyết định trên đều là quyết định hành chính trong việc áp dụng thuế, thu thuế và là Quyết định hành chính bị kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Công ty TNHH E1 có trụ sở tại thành phố Hà Nội và khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Yêu cầu của Công ty TNHH E1 về việc kiến nghị Tổng Cục trưởng H1 và Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H chấp nhận trị giá khai báo đối với hàng

hóa nhập khẩu của E1 liệt kê tại danh mục hàng hóa đính kèm Quyết định 3364 không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, xem xét, giải quyết là đúng quy định Luật Tố tụng hành chính.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/12/2019, người khởi kiện là Công ty TNHH E1 (sau đây viết tắt là Công ty) có đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc ấn định thuế, Quyết định số 12/QĐ-HQHP ngày 03/01/2017 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (giải quyết khiếu nại lần 1), Quyết định số 1377/QĐ-TCHQ ngày 21/04/2017 của Tổng Cục trưởng H1 về việc giải quyết khiếu nại (giải quyết khiếu nại lần 2).

[5] Về Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

[5.1] Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 do Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan ký thừa ủy quyền của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H theo Quyết định số 2271/QĐ-HQHP ngày 30/12/2015 của Cục trưởng Cục hải quan thành phố H về việc ủy quyền ký quyết định kiểm tra sau thông quan, tổ chức thực hiện và xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 79 Luật Hải quan năm 2014, khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 (sau đây viết tắt là Nghị định số 83/2013/NĐ-CP), điểm a khoản 2 Điều 100 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 (sau đây viết tắt là Nghị định 08/2015/NĐ-CP).

[5.2] Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 48 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T5 (sau đây viết tắt là Thông tư số 38/2015/TT-BTC), đúng theo mẫu số 09/QĐAĐT/TXNK phụ lục VI ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015.

[5.3] Lý do ban hành quyết định ấn định thuế:

[5.3.1] Lý do ấn định thuế tại Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 là xác định lại trị giá tính thuế và căn cứ vào kết quả kiểm tra sau thông quan để ban hành quyết định ấn định thuế. Tại Phiếu đề xuất của Đội 1 - Chi cục

Kiểm tra sau thông quan Cục hải quan thành phố H xác định cơ sở, dấu hiệu nghi vấn mức giá khai báo của Công ty thấp hơn mức giá tham chiếu của hàng giống hệt, tương tự có trong Danh mục quản lý rủi ro về trị giá của H1; thấp hơn mức giá của hàng hóa giống hệt, tương tự trên hệ thống dữ liệu GTT02. Tại Biên bản kiểm tra số 2451/BB-HC ngày 05/9/2016, cơ quan hải quan xác định nội dung giải trình của Công ty không làm rõ được nghi vấn của cơ quan hải quan về nội dung khai báo, nghi vấn mức giá khai báo thấp các mục hàng (có danh sách kèm theo). Tại Biên bản kiểm tra số 2452/BB-HC ngày 12/9/2016 thể hiện cơ quan hải quan nghi vấn mức giá khai báo của Công ty; tại tờ khai hải quan và tờ khai trị giá Công ty chưa khai một số nội dung ảnh hưởng đến việc xác định trị giá. Cơ quan Hải quan kết luận nội dung giải trình của Công ty không làm rõ được nghi vấn mức giá khai báo thấp một số mục hàng. Tại Thông báo số 8161/TB-HQHP ngày 14/9/2016, Cục hải quan thành phố H kết luận: Mức giá khai báo thấp hơn giá trong cơ sở Dữ liệu của Cơ quan Hải quan, Công ty không giải trình được nội dung khai hải quan là đúng nên kiến nghị không chấp nhận nội dung khai báo về trị giá của Công ty, đồng thời xác định lại giá trị tính thuế các mục hàng. Như vậy, tại các văn bản nêu trên, Cơ quan Hải quan đều xác định Công ty không làm rõ được nghi vấn của cơ quan hải quan về nội dung khai báo, nghi vấn mức giá khai báo thấp và tại tờ khai hải quan và tờ khai trị giá Công ty chưa khai một số nội dung ảnh hưởng đến việc xác định trị giá.

[5.3.2] Theo khoản 4 Điều 142 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định sau khi kiểm tra sau thông quan, một trong các trường hợp cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung khai báo của người khai hải quan, đồng thời ban hành kết luận kiểm tra, quyết định xử lý về thuế là người khai hải quan không giải trình, không chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng; người khai hải quan khai không đúng, không đầy đủ, không chính xác các tiêu chí trên tờ khai hải quan; tờ khai trị giá; các yếu tố liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp, chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; các yếu tố có liên quan ảnh hưởng đến nội dung, phương pháp xác định trị giá như các khoản điều chỉnh, mối quan hệ đặc biệt, điều kiện, trình tự các phương pháp xác định trị giá. Do đó, Cơ quan Hải quan không chấp nhận nội dung khai báo của Công ty, đồng thời ban hành kết luận kiểm tra, quyết định xử lý về thuế là đúng quy định của pháp luật.

[5.3.3] Theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP, khoản 2 Điều 48 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, các trường hợp Cơ quan Hải quan thực hiện ấn định thuế trong đó có trường hợp là người nộp thuế không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ, chính xác các nội dung liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế; không chứng minh hoặc quá thời hạn quy định mà không giải trình được các nội dung liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan hải quan có đủ cơ sở chứng minh việc khai báo trị giá hải quan của người nộp thuế không đúng với trị giá giao dịch thực tế. Do đó, Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 về ấn định thuế do xác định lại trị giá tính thuế là đúng.

[5.3.4] Về nghi vấn mức giá khai báo thấp: So sánh, đối chiếu, kiểm tra trị giá khai báo của Công ty với các Danh mục quản lý rủi ro hàng hóa nhập khẩu do H1 ban hành trong khoảng thời gian kiểm tra sau thông quan tại các Văn bản số 348/TCHQ-TXNK ngày 21/01/2011 (áp dụng đối với tờ khai Hải quan đăng ký kể từ ngày 29/01/2011), Văn bản số 3286/TCHQ-TXNK ngày 14/6/2013 (áp dụng đối với tờ khai Hải quan đăng ký kể từ ngày 20/6/2013), Quyết định số 1114/QĐ-TCHQ ngày 10/4/2014 (áp dụng đối với tờ khai Hải quan đăng ký kể từ ngày 12/4/2014), Quyết định số 3957/QĐ-TCHQ ngày 31/12/2014 (áp dụng đối với tờ khai Hải quan đăng ký kể từ ngày 15/01/2015) và Quyết định số 3950/QĐ-TCHQ ngày 30/11/2015 (áp dụng đối với tờ khai Hải quan đăng ký kể từ ngày 03/12/2015), thấy rằng:

[5.3.4.1] Cùng một mặt hàng nhưng Công ty khai báo nhiều mức giá khác nhau: Theo Cơ quan Hải quan, tại thời điểm kiểm tra sau thông quan, cùng một mặt hàng Công ty khai báo nhiều mức giá khác nhau, ví dụ: Mặt hàng “Máy điều hòa không khí dùng trong gia đình hiệu Electrolux, model: ESM09CRF-D2I/ESM09CRF-D2E, loại 1 chiều, 2 cục, treo tường, công suất làm lạnh 2638W-9000BTU/h, chất làm lạnh R22-430g/bộ, mới 100%” nhập khẩu tháng 3/2016 có 02 mức giá khai báo là 134USD/bộ và 125USD/bộ. Theo Công ty, các đơn hàng của Công ty phát sinh tại thời điểm nào thì áp dụng đơn giá tại thời điểm đó, không phụ thuộc vào giá tại thời điểm giao nhận hàng; thực tế, các đơn đặt hàng vào tháng 12/2015 được áp dụng đơn giá của năm 2015 và có thể được giao hàng vào đầu năm 2016; trong khi đó, các đơn đặt hàng vào tháng 01/2016 sẽ được áp dụng đơn giá mới của năm 2016 và cũng có thể được giao trong đầu năm 2016 gần với khoảng thời gian giao các đơn đặt hàng của tháng 12/2015; đối với mặt hàng ESM09CRF-D2I/ESM09CRF-D2E có 02 mức giá 134USD/bộ và 125USD/bộ là do các đơn đặt hàng trong năm 2015 được áp dụng mức giá 134 USD và đơn đặt hàng trong năm 2016 được áp dụng mức giá là 125 USD; hàng hóa của các đơn đặt hàng này được giao vào cùng một khoảng thời gian trong các tháng đầu năm 2016 do đó dẫn đến giá khai báo trong các khoảng thời gian đó đối với cùng một mặt hàng là khác nhau.

[5.3.4.2] Tại Bảng kê ấn định thuế ban hành kèm theo Quyết định số 3364, các tờ khai trong khoảng thời gian từ ngày 13/1/2016 đến ngày 13/8/2016 đối với mặt hàng ESM09CRF-D2I/ESM09CRF-D2E (số thứ tự 130, 140, 148, 157, 167, 180, 183, 197, 203, 206, 230, 234) được Công ty khai báo với 03 mức giá 124USD, 125USD và 134USD. Mặt hàng này không có trong các Danh mục hàng hóa rủi ro và hai bên cũng không nộp tờ khai, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán mặt hàng này để Tòa án có căn cứ xác định giải trình của Công ty có cơ sở hay không. Tuy nhiên, đối với một số mặt hàng khác, Công ty đã nộp tài liệu, chứng cứ thì có cơ sở xác định ngày khai báo chỉ sau ngày xuất hóa đơn lâu nhất khoảng 20 ngày; giá năm 2015 và năm 2016 có thay đổi (Máy giặt quần áo model EWW14012 giá 2015 là 14.476THB còn 2016 là 13.946THB, giảm 530THB) nhưng tỷ giá THB-USD không thay đổi (32,17THB/USD). Nếu tính giá nhập khẩu

sản phẩm sang USD thì sản phẩm giảm giá từ 449,68USD xuống còn 433.51USD (giảm 16USD). Công ty không cung cấp cho Tòa án chứng từ thanh toán để có cơ sở xác định Công ty thanh toán những mặt hàng bị Quyết định 3364 ấn định lại thuế bằng ngoại tệ nào và cũng không cung cấp tỷ giá quy đổi từ THB sang VND hay VND sang USD nhưng dựa trên các tờ khai có giá sản phẩm bằng THB và VND thì quy ra tỷ giá THB-VND tại thời điểm thay đổi giá năm 2015 là 673,87THB/VND, năm 2016 là 612,95THB/VND. Sản phẩm giảm 530THB x 612,95THB/VND thì giá sản phẩm chỉ giảm 324.863đ nhưng Công ty khai báo giá bằng VND giảm 1.206.000đ (từ 9.754.939đ xuống còn 8.548.242đ). Ngoài mặt hàng trên, còn một số mặt hàng khác Công ty kê khai hải quan cùng ngày hoặc cùng tháng hoặc cùng năm, cùng hợp đồng, cùng cước phí và bảo hiểm nhưng có nhiều mức giá khai báo khác nhau.

[5.3.4.3] Theo Cơ quan Hải quan, Công ty không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc nhà cung cấp đã đồng ý giảm giá các mặt hàng cùng nhiều ưu đãi khác. Theo Công ty, mặt hàng điện gia dụng do Công ty nhập khẩu phải cạnh tranh khốc liệt với hàng hóa cùng loại của thương hiệu khác có giá nhập khẩu rất thấp nên các hàng hóa tương tự đều có xu hướng giảm giá, ngoài ra Công ty có Văn bản số 1108/CV-Elec ngày 08/8/2016 giải trình về việc trị giá khai báo là đàm phán giá và định giá bán ra được thực hiện dựa trên yếu tố thị trường, các yếu tố cạnh tranh và lợi nhuận đảm bảo cho hoạt động của Công ty đã được xem xét kỹ trước khi quyết định đàm phán giá với nhà cung cấp; Công ty đặt hàng với số lượng lớn nên trong quá trình thương lượng mua bán, nhà cung cấp đã đồng ý giảm giá cùng nhiều ưu đãi khác về bảo đảm tính cạnh tranh (Biên bản kiểm tra số 2451/BB-HC ngày 05/9/2016); cùng một mặt hàng nhưng giá CIF tại 02 cảng H và Thành phố Hồ Chí Minh khác với giá FOB; tỷ giá giữa đồng USD với đồng tiền nước xuất khẩu hoặc cách tính tỷ giá liên ngân hàng của các nước khác nhau; giữa Công ty và đối tác không có chương trình giảm giá; Công ty và đối tác chỉ là bạn bình thường, không có mối quan hệ đặc biệt có thể ảnh hưởng đến trị giá giao dịch; Công ty không phải trả thêm bất kỳ khoản tiền nào khác phải cộng quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2015 ngày 25/03/2015 của Bộ T5 (sau đây viết tắt là Thông tư số 39/2015); Giá cả mặt hàng phụ thuộc vào các yếu tố như nhà sản xuất, nước xuất xứ, công suất, dung tích, kiểu dáng, kích thước, tính năng, chất liệu...; giá ghi trên hóa đơn là giá bán thực tế của Công ty tại thị trường trong nước (Biên bản kiểm tra số 2452/BB-HC ngày 12/9/2016).

[5.3.4.4] Theo Công ty, trị giá khai báo thấp hơn trị giá trong cơ sở dữ liệu của Cơ quan Hải quan không phải là căn cứ để bác bỏ trị giá khai báo bởi: Không có bất kỳ quy định nào trong Hiệp định chung về thuế quan và thương mại GATT/WTO 1994, Luật Hải quan, Thông tư số 39/2015 và Thông tư 38/2015 cho phép Cơ quan Hải quan bác bỏ trị giá khai báo chỉ vì lý do “trị giá khai báo thấp hơn trị giá hàng hóa tham chiếu tại cơ sở dữ liệu của Cơ quan Hải Quan” mà không dựa vào điều kiện áp dụng trị giá giao dịch. Mặt khác, trong 04 điều kiện áp dụng trị giá giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư 39/2015, không có

bất kỳ điều kiện nào quy định trị giá khai báo bắt buộc phải bằng hoặc lớn hơn trị giá giao dịch trong cơ sở dữ liệu của Cơ quan Hải quan hoặc trị giá giao dịch do các Công ty khác nhập khẩu cùng thời điểm như nghi vấn của Cơ quan Hải quan đưa ra tại các Biên bản kiểm tra. Do đó, trị giá khai báo thấp hơn trị giá hàng hóa trong cơ sở dữ liệu của Cơ quan Hải quan không thể là cơ sở hợp pháp để bác bỏ trị giá khai báo trong khi Cơ quan Hải quan không xác định được hàng hóa nhập khẩu của Công ty không thỏa mãn điều kiện áp dụng trị giá giao dịch cụ thể nào trong 04 điều kiện nêu trên.

[5.3.4.5] Về việc Công ty không giải trình, không chứng minh được nội dung khai hải quan: Khi kiểm tra sau thông quan, Cơ quan Hải quan nghi ngờ Công ty khai báo giá thấp nên đã yêu cầu Công ty X (bản gốc) toàn bộ chứng từ thuộc hồ sơ hải quan nhận qua ngân hàng, bản email giao dịch với đối tác, chứng từ báo giá chào hàng của đối tác, chứng từ chứng minh sự thuận để ký được giá tại các hợp đồng nhập khẩu, chứng từ thanh toán (Biên bản kiểm tra ngày 05/9/2016); yêu cầu Công ty cung cấp chương trình giảm giá của đối tác, phương án kinh doanh của Công ty trong thời gian kiểm tra, hóa đơn bán hàng (Biên bản kiểm tra ngày 05/9/2016) để làm rõ nghi vấn. Theo Cơ quan Hải quan thì do Công ty không cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Cơ quan Hải quan, Đoàn kiểm tra Cơ quan Hải quan không chấp nhận nội dung khai báo của Công ty. Theo Công ty, Cơ quan Hải quan không có căn cứ để kết luận Công ty không chứng minh được nghi vấn khai báo giá thấp; việc Cơ quan Hải quan chỉ căn cứ vào tình tiết Công ty không xuất trình các “email đàm phán giá với bên bán” để kết luận Công ty không làm rõ được nghi vấn là hoàn toàn không có căn cứ; Công ty đã cung cấp đầy đủ chứng từ, tài liệu xác định trị giá khai báo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư 39/2015, ngoài ra Công ty cũng đã cung cấp các bản chào giá của bên bán theo yêu cầu bổ sung tại các biên bản kiểm tra; theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư 39/2015, email đàm phán giá không phải là tài liệu bắt buộc trong bộ chứng từ, tài liệu để xác định trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch; theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 38/2015, người khai hải quan chỉ phải lưu trữ các chứng từ khác liên quan đến hàng hóa nhập khẩu bao gồm chứng từ vận tải đối với hàng hóa nhập khẩu, phiếu đóng gói, tài liệu kỹ thuật mà không hề có yêu cầu phải lưu trữ hay cung cấp email đàm phán giá trong suốt khoảng thời hạn 5 năm; tại Biên bản đối thoại ngày 21/3/2017 và Quyết định 1377, Tổ xác minh cũng đồng quan điểm với E1 trong việc “cần làm rõ Cục Hải quan Thành phố H căn cứ vào quy định nào, yêu cầu nào để kết luận Công ty không chứng minh được nghi vấn khai báo giá thấp” nhưng Cục H đã không đưa ra được quy định pháp luật và yêu cầu cụ thể. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Cơ quan Hải quan và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty không cung cấp đủ thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu như hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các hình thức có giá trị tương đương hợp đồng, hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải, chứng từ bảo hiểm, chứng nhận xuất xứ hàng hoá, chứng từ thanh toán, hồ sơ, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa xuất

khẩu, nhập khẩu liên quan đến các mặt hàng bị kiểm tra và bị ấn định thuế để cơ quan làm rõ nghi vấn và Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án. Do đó, Cơ quan Hải quan nghi vấn Công ty khai báo giá thấp là đúng quy định tại điểm a1, b khoản 1 Điều 25 Thông tư 38/2015 và điểm b2 khoản 2 Điều 55 Quyết định 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của H1. Mặt khác, theo quy định điểm b khoản 4 Điều 142 Thông tư số 38/2015 việc Công ty không giải trình, không chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng, là một trong những căn cứ để Cơ quan Hải quan không chấp nhận nội dung khai báo của Công ty.

[5.3.5] Về việc Công ty K không đúng, không đầy đủ, không chính xác hoặc chưa khai một số nội dung, tiêu chí trên tờ khai hải quan, tờ khai trị giá làm ảnh hưởng đến việc xác định trị giá: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Thông tư số 38/2015, người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn tại Mục 1.78 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 38/2015 như: ghi rõ tên hàng, quy cách phẩm chất, thông số kỹ thuật, thành phần cấu tạo, model, kí/mã hiệu, đặc tính, công dụng của hàng hoá theo hợp đồng thương mại và tài liệu khác liên quan đến lô hàng. Và theo quy định tại Điểm b.2 Khoản 4 Điều 142 Thông tư 38/2015, trường hợp người khai hải quan khai không đúng, không đầy đủ, không chính xác các tiêu chí trên tờ khai hải quan, tờ khai trị giá, các yếu tố liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp là một trong các trường hợp Cơ quan Hải quan không chấp nhận nội dung khai báo của người khai hải quan, thông báo kết quả kiểm tra, quyết định xử lý về thuế. Trường hợp Công ty cho rằng ô khai báo bị giới hạn trong phạm vi 200 ký tự thì Công ty phải lựa chọn những tiêu chí nào cần khai để phân biệt các mục hàng, model, đặc tính... giống và khác nhau, ví dụ: Công ty có thể bỏ các khoảng trống trước và sau dấu “.” Hoặc dấu “,” hoặc không cần phải khai một số ký tự thừa như từ “hàng” trong cụm từ “hàng mới 100%”(chỉ cần khai “mới 100%), từ “bằng” trong cụm từ “bằng thép không gỉ”(chỉ cần khai “thép không gỉ), hoặc từ “dùng trong” và từ “hiệu” trong cụm từ “Máy điều hòa không khí dùng trong gia đình hiệu Electrolux” (chỉ cần khai “Máy điều hòa không khí gia đình E” là đã có thể có thêm ký tự để điền thêm các thông tin khác quan trọng khác như có Inverter hay không, có giặt nóng hay không...Mặt khác, Công ty vẫn chưa sử dụng hết 200 ký tự để khai báo đầy đủ các thông tin hàng hóa như tại mục hàng “Lò nướng âm Electrolux EOB3400BOX, 2780W, điện 230-240V/50Hz, bằng thép không gỉ, hàng mới 100%” (số thứ tự 21) tổng các ký tự trong ô khai báo chỉ có 94 ký tự (đây là mục hàng khai ít ký tự nhất) nhưng công ty lại không khai kích thước, dung tích, điều khiển cơ/điện tử, màn hình điện tử, công nghệ làm nóng, đèn trong khoang, quạt đối lưu, chức năng hẹn giờ, khóa trẻ em, các chương trình nấu/nướng/hấp...Nhu vậy, việc Công ty khai không đủ các tiêu chí quan trọng của sản phẩm để phân biệt tính năng của sản phẩm này với sản phẩm khác cùng loại sẽ làm ảnh hưởng đến việc xác định trị giá khai báo, là một trong những căn cứ để cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung khai báo của Công ty theo quy định tiết b.2 điểm b khoản 4 Điều 142 Thông tư số 38/2015.

[5.3.6] Về căn cứ bác bỏ trị giá: Theo khoản 1 Điều 25 và điểm b khoản 4 Điều 142 Thông tư số 38/2015 quy định, một trong các trường hợp Cơ quan Hải quan không chấp nhận nội dung khai báo của người khai hải quan là người khai hải quan không giải trình, không chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng; người khai hải quan khai không đúng, không đầy đủ, không chính xác: các tiêu chí trên tờ khai hải quan; tờ khai trị giá; các yếu tố liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp, ... mỗi quan hệ đặc biệt... Các quyết định nêu trên đều nêu căn cứ bác bỏ trị giá khai báo là Công ty không giải trình làm rõ được nghi vấn của cơ quan hải quan về mức giá khai báo; chưa khai một số thông tin mô tả hàng hóa liên quan đến việc xác định trị giá hàng nhập khẩu, khai không đầy đủ các yếu tố liên quan, ảnh hưởng đến nội dung, phương pháp xác định trị giá hàng nên cơ quan hải quan đã bác bỏ trị giá khai báo theo quy định tại điểm b.1 và b.2 khoản 4 Điều 142 Thông tư 38/2015. Theo quy định tại mục b.2 khoản 4 Điều 142 Thông tư 38/2015, mỗi quan hệ đặc biệt là một trong các yếu tố có liên quan ảnh hưởng đến nội dung, phương pháp xác định trị giá, nếu người khai hải quan khai không đúng, không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung khai báo của người khai hải quan. Người khai hải quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan 2014.

[5.3.7] Về giá ấn định thuế: Theo quy định tại các văn bản ban hành Danh mục rủi ro hàng nhập khẩu của H1, các mức giá kèm theo Danh mục rủi ro hàng nhập khẩu đã được H1 xây dựng trên cơ sở tổng hợp, phân tích từ các nguồn thông tin gồm: Mức giá khai báo của doanh nghiệp theo trình tự và các phương pháp xác định trị giá tính thuế quy định tại Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/03/2007 của Chính phủ (nay là Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015) đã được Cơ quan Hải quan chấp nhận làm trị giá tính thuế, nhưng không sử dụng trị giá khai báo của những lô hàng nghi ngờ, chưa được xử lý; Mức giá tính thuế do Cơ quan Hải quan xác định khi bác bỏ mức giá khai báo theo trình tự và các phương pháp xác định trị giá tính thuế quy định tại Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/03/2007 của Chính phủ (nay là Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015); Thông tin khác có liên quan đến trị giá do cơ quan Hải quan thu thập được như: Giá bán trên thị trường, giá do các nhà sản xuất trong nước cung cấp, giá do nhà xuất khẩu cung cấp, ... Theo quy định các mức giá có trong Danh mục quản lý rủi ro hàng nhập khẩu không được dùng để xác định hoặc áp giá tính thuế. Theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 39/2015, khi áp dụng phương pháp suy luận để xác định trị giá, ngoài việc căn cứ vào các tài liệu, số liệu khách quan, có sẵn tại thời điểm xác định trị giá hải quan, cơ quan áp dụng linh hoạt các phương pháp xác định trị giá hải quan, trong trường hợp không có hàng hóa nhập khẩu giống hệt hoặc hàng hóa nhập khẩu tương tự được xuất khẩu đến Việt Nam vào cùng ngày hoặc trong khoảng thời gian 60 ngày trước hoặc 60 ngày sau ngày xuất khẩu của lô hàng nhập khẩu đang được xác định trị giá hải quan thì lựa chọn những hàng hóa nhập khẩu giống hệt hoặc hàng

hóa nhập khẩu tương tự được xuất khẩu trong khoảng thời gian dài hơn, nhưng không quá 90 ngày trước hoặc 90 ngày sau ngày xuất khẩu của lô hàng đang được xác định trị giá hải quan. Hoặc trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập khẩu mà không xác định được đơn giá dùng để khấu trừ thì lựa chọn đơn giá được bán ra với số lượng lũy kế lớn nhất trong vòng 120 ngày kể từ ngày nhập khẩu của lô hàng được lựa chọn để khấu trừ; hoặc nếu không có đơn giá bán lại của chính hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu giống hệt hay hàng hóa nhập khẩu tương tự cho người không có quan hệ đặc biệt với người nhập khẩu thì lựa chọn đơn giá bán lại hàng hóa cho người mua có quan hệ đặc biệt, với điều kiện mối quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến giá cả trong giao dịch mua bán. Danh mục rủi ro hàng nhập khẩu của H1 được xây dựng trên cơ sở tổng hợp, phân tích từ mức giá khai báo của doanh nghiệp đã được cơ quan Hải quan chấp nhận làm trị giá tính thuế, từ mức giá tính thuế do cơ quan Hải quan xác định khi bác bỏ mức giá khai báo, từ thông tin khác có liên quan đến trị giá do cơ quan Hải quan thu thập được như: Giá bán trên thị trường, giá do các nhà sản xuất trong nước cung cấp, giá do nhà xuất khẩu cung cấp... Giá trị tính thuế do cơ quan hải quan xác định lại cũng là kết quả của sự phân tích, tổng hợp nhiều yếu tố như khi xây dựng Danh mục rủi ro hàng nhập khẩu. Do đó, việc một số các mục hàng có trị giá tính thuế bằng giá trong Danh mục rủi ro hàng nhập khẩu không phải là việc sử dụng giá trong Danh mục làm giá trị tính thuế mà là sự trùng hợp ngẫu nhiên từ hai kết quả phân tích, tổng hợp tất cả các nguồn thông tin giống nhau.

[5.3.8] Về nguồn thông tin và phương pháp xác định trị giá: Theo quy định tại Điều 6 Thông tư 39/2015, trị giá giao dịch là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán sau khi đã được điều chỉnh bao gồm các khoản: Giá mua ghi trên hóa đơn thương mại, các khoản điều chỉnh (điều chỉnh cộng: Chi phí hoa hồng, môi giới; chi phí bao bì; chi phí đóng gói; khoản trợ giúp; điều chỉnh trừ: Chi phí cho những hoạt động phát sinh sau khi nhập khẩu; chi phí vận tải, bảo hiểm; các khoản thuế, phí, lệ phí; khoản giảm giá; chi phí kiểm tra số lượng, chất lượng hàng; chi phí mở L/C, phí chuyên tiền), các khoản tiền phải trả nhưng chưa tính vào giá mua ghi trên hóa đơn thương mại (tiền trả trước, tiền ứng trước, tiền đặt cọc, tiền phải trả cho người thứ ba theo yêu cầu của người bán, tiền được thanh toán bằng cách cân trừ nợ). Phương pháp trị giá giao dịch được áp dụng nếu thỏa mãn đủ các điều kiện: Người mua không bị hạn chế quyền định đoạt hoặc sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu; giá cả hoặc việc bán hàng không phụ thuộc vào những điều kiện hay các khoản thanh toán; sau khi bán lại, chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng hóa nhập khẩu, trừ khoản phải cộng người mua không phải trả thêm bất kỳ khoản tiền nào từ số tiền thu được do việc định đoạt hàng hóa nhập khẩu mang lại; người mua và người bán không có mối quan hệ đặc biệt hoặc nếu có thì mối quan hệ đặc biệt đó không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty T6, Công ty E1 (PUBL) tại Thụy Điển là chủ sở hữu (công ty mẹ) của Công ty TNHH E1. Toàn bộ hóa đơn, chứng từ do Công ty G1 đều thể hiện Công ty nhập hàng của Công ty E2., LTD - Công ty T7

thuộc Tập đoàn E3. Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 38/2015, việc mua bán giữa Công ty TNHH E1 với các công ty thành viên thuộc Tập đoàn E3 là có mối quan hệ đặc biệt và do không thỏa mãn một trong hai điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 38/2015 nên mối quan hệ đặc biệt giữa Công ty TNHH E1 với Công ty E2., LTD có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch. Tại Biên bản làm việc số 02 ngày 28/9/2016 và Bản kết luận số 726/KL-KTSTQ (P1) ngày 21/10/2016 của Cục Kiểm tra sau thông quan, Công ty K giá mua được xác định theo chính sách chuyên giá của Tập đoàn E3, khi Công ty mua hàng hóa từ nhà sản xuất tại Thái Lan chi phí cộng thêm là 5%, từ Hunggari là 2,5%; trước khi bán hàng hóa cho khách hàng, Công ty không được sửa chữa, thay đổi sản phẩm, nếu sản phẩm có lỗi thì Công ty trả lại cho nhà sản xuất; trước khi công bố giá bán sản phẩm, Công ty phải gửi bảng giá cho Ủy ban về chính sách giá của Tập đoàn E4 và đồng ý. Như vậy là Công ty không thỏa mãn đủ các điều kiện để áp dụng phương pháp trị giá giao dịch. Trị giá tính thuế mà Cơ quan Hải quan sử dụng là kết quả của sự tổng hợp, phân tích các nguồn thông tin thu thập được từ cơ sở dữ liệu giá của cơ quan Hải quan, từ giá bán tại thị trường nội địa nước xuất khẩu và nhập khẩu trên một số trang mạng Internet tin cậy và áp dụng phương pháp suy luận chứ không phải sử dụng (lấy) giá bán hàng hóa ở thị trường nội địa nước xuất khẩu để xác định (làm) trị giá hải quan nên không vi phạm Điểm b Khoản 2 Điều 12 Thông tư 39/2015. Theo quy định tại Điều 12 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, nếu không xác định được trị giá hải quan bằng cách áp dụng tuần tự và linh hoạt các phương pháp xác định trị giá hải quan là phương pháp trị giá giao dịch, phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt, phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự, phương pháp trị giá khấu trừ, phương pháp trị giá tính toán thì trị giá hải quan được xác định theo phương pháp suy luận, căn cứ vào các tài liệu, số liệu khách quan, có sẵn tại thời điểm xác định trị giá hải quan. Theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, khi áp dụng phương pháp suy luận, một số trường hợp cơ quan hải quan áp dụng linh hoạt các phương pháp xác định trị giá hải quan như vận dụng phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt hoặc hàng hóa nhập khẩu tương tự hoặc vận dụng phương pháp xác định trị giá hải quan theo phương pháp trị giá khấu trừ hoặc dựa vào cơ sở dữ liệu giá nhưng không được sử dụng các trị giá quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 để xác định giá. Do đó, việc cơ quan áp dụng phương pháp suy luận để xác định trị giá hải quan là đúng quy định của pháp luật. Đối với các tài liệu người bị kiện sao chụp ảnh màn hình về việc trích xuất giá một số sản phẩm để tham khảo thì có tài liệu có thể hiện ngày đăng, có tài liệu không. Tuy nhiên giá bán trên các trang web chỉ để tham khảo, so sánh, nghi vấn đối với một số mặt hàng không có trong Danh mục hàng hóa rủi ro; không phải là giá trị tính thuế. Còn việc người khởi kiện cho rằng giá tham khảo là của năm 2016 vì trên màn hình máy tính hiện năm 2016 là không có căn cứ bởi ngày tháng năm 2016 thể hiện ở góc cuối máy tính được in ra là thể

hiện ngày tháng năm người tra cứu sử dụng máy tính để tra cứu, không phải năm của dữ liệu cần tra cứu.

[5.4] Vì vậy, Cơ quan Hải quan tính giá xác định lại trị giá tính thuế tại Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về Quyết định số 12/QĐ-HQHP ngày 03/01/2017 của Cục trưởng Cục hải quan thành phố H về giải quyết khiếu nại của Công ty (giải quyết khiếu nại lần 1) và Quyết định số 1377/QĐ-TCHQ ngày 21/04/2017 của Tổng Cục trưởng H1 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty (giải quyết khiếu nại lần 2):

[6.1] Quyết định số 12/QĐ-HQHP ngày 03/01/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần 1 do Phó Cục trưởng ký thay Cục trưởng Cục Hải quan thành phố H và Quyết định số 1377/QĐ-TCHQ ngày 21/04/2017 do Phó Tổng Cục trưởng ký thay Tổng cục trưởng H1 là đúng thẩm quyền quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 81 Luật Hải quan 2014, khoản 6 Điều 8 Nghị định 36/2015/NĐ-CP, khoản 7 Điều 2 Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 1 Điều 7 Luật Khiếu nại 2011.

[6.2] Quyết định số 12/QĐ-HQHP ngày 03/01/2017 và Quyết định số 1377/QĐ-TCHQ ngày 21/04/2017 được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật khiếu nại 2011 và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 được sửa đổi bởi Thông tư 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[6.3] Về thời hạn ban hành: Công ty cho rằng H1 đã nhận được Đơn khiếu nại lần hai của Công ty từ ngày 08/02/2017 (như nêu tại Công văn số 994/TCHQ-KTSTQ đề ngày 20/02/2017 và Thông báo số 1061/TB-TCHQ đề ngày 23/02/2017 của H1) nhưng đến ngày 20/02/2017 (12 ngày kể từ ngày nhận Đơn khiếu nại) H1 mới gửi công văn yêu cầu Công ty cung cấp tài liệu chứng minh để có cơ sở xem xét thời hạn giải quyết khiếu nại; và tiếp đó, H1 mới ban hành thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại (tức là chậm hơn thời hạn do pháp luật quy định là 05 ngày) là vi phạm khoản 1 Điều 36 Luật Khiếu nại 2011 về thời hạn thụ lý. Tuy nhiên, theo Công văn số 994/TCHQ-KTSTQ ngày 20/02/2017 của H1, ngày 08/2/2017 H1 nhận được Công văn số 01/2017/EVN ngày 03/02/2017 (về việc xin gia hạn thời gian khiếu nại) và Đơn khiếu nại ngày 03/01/2017 của Công ty về việc khiếu nại lần 2 nhưng do Công ty không cung cấp tài liệu kèm theo về việc khiếu nại còn thời hiệu, thời hạn để chứng minh không thuộc một trong các trường hợp không được thụ lý giải quyết quy định tại Điều 11, Điều 36 Luật khiếu nại 2011 nên H1 ban hành công văn đề nghị Công ty cung cấp trước ngày 22/02/2017. Ngày 23/02/2017, H1 ban hành Thông báo số 1061/TB-TCHQ về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 là không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Khiếu nại 2011.

[6.4] Như đã nêu trên, Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016 là đúng quy định của pháp luật, nên Quyết định số 12/QĐ-HQHP ngày 03/01/2017

của Cục trưởng Cục hải quan thành phố H về giải quyết khiếu nại của Công ty (giải quyết khiếu nại lần 1) và Quyết định số 1377/QĐ-TCHQ ngày 21/04/2017 của Tổng Cục trưởng H1 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty (giải quyết khiếu nại lần 2) đều với nội dung là không chấp nhận khiếu nại của Công ty và giữ nguyên Quyết định số 3364/QĐ-HQHP ngày 14/9/2016, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có cơ sở.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Do vậy, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là bác kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có cơ sở nên được chấp nhận.

[10] Do không được chấp nhận kháng cáo nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là Công ty TNHH E1, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 321/2019/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH E1 phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà Công ty TNHH E1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013887 ngày 07/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, xác nhận Công ty TNHH E1 đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Tuấn

